

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ
Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102174012 do sở KH và ĐT Thành phố Hà Nội cấp lại lần 8 ngày 04/11/2014
- Vốn điều lệ: 17.510.920.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.510.920.000
- Địa chỉ: Nhà Lô 141 – Khu giãn dân Mỗ Lao – P. Mỗ Lao – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại: 04 33 55 39 32
- Số fax: 04 33 55 39 31
- Mã cổ phiếu : SDE

2. Quá trình hình thành và phát triển

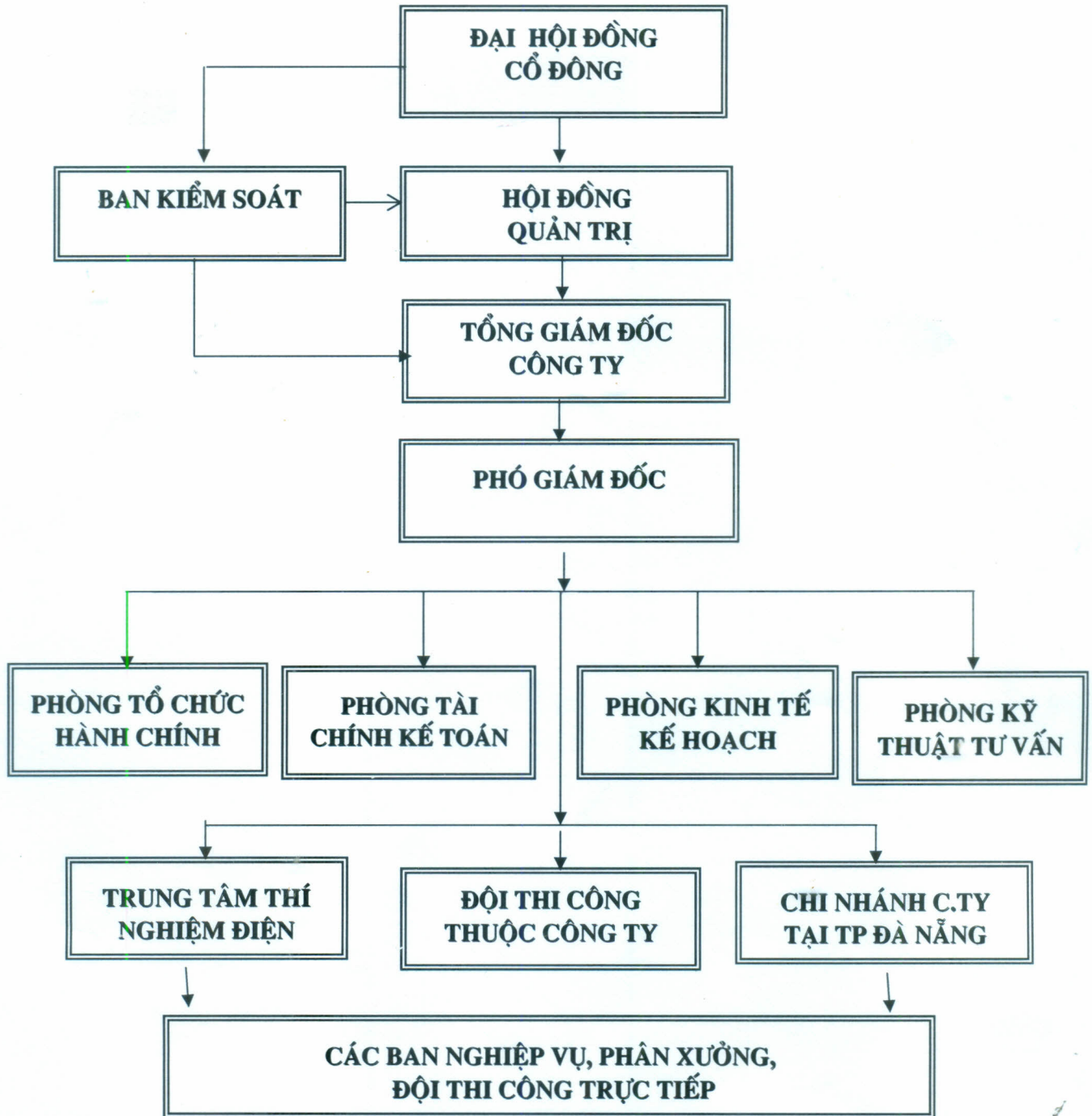
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 14/02/2007, tiền thân của Công ty là Trung tâm thí nghiệm điện - Tổng công ty Sông Đà là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo QĐ 34/TCT-TCĐT ngày 25/05/2002

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành; thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ; duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 3000 MW;
- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán, hệ thống SCADA và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng độ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ công nghệ có cấp điện áp đến 500 KV, công suất 3000 MW (không bao gồm dịch vụ thiết kế và giám sát công trình);
- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây lắp các công trình điện, kinh doanh điện thương phẩm theo Luật điện lực;
- Đào tạo chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, tin học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và kỹ thuật dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, các công trình đường thủy, bến cảng, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; các công trình thể thao ngoài trời;
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
 - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Vận tải hàng hóa đường sắt;
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; cho thuê xe có người lái; hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch; hoạt động của cáp treo, đường sắt, leo núi;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kinh doanh dịch vụ du lịch;
 - Dịch vụ quản lý bất động sản;
 - Hoạt động sản xuất, kinh doanh phòng tiện phòng cháy chữa cháy;
 - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực: lắp thiết bị công trình, xây dựng - hoàn thiện);
 - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện (lĩnh vực: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện);
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (các mặt hàng được Nhà nước cho phép).
 - Địa bàn kinh doanh: Với tính chất công việc địa bàn kinh doanh của Công ty hoạt động trải dài trên khắp đất nước điển hình trong hai năm gần nhất là Công trình thủy điện Nậm Chiếm tại Sơn La và Công trình Tả Trạch tỉnh Huế.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các đơn vị con:

4.1. Trung tâm thí nghiệm Điện.

- Trụ sở: Nhà lô 141 Khu giãn dân Mỗ Lao – Mộ Lao – Hà Đông – Hà Nội.
- Tel: 04.33553973 Fax: 04.33553971 Email: etc-sd11@vnn.vn
- Hệ thống Phòng thí nghiệm: Km10 Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Nội.
- Tel: 04.22414940 Fax: 04.33553971
- Ngành nghề kinh doanh:

+ Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV và công suất đến hàng nghìn MW.

+ Lắp ráp tủ bảng điện điều khiển, đo lường, bảo vệ và tự động hóa cho các hệ thống công nghệ; Lắp ráp tủ bảng điện tự dùng AC-DC; ... cho các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghiệp. Lắp đặt, thí nghiệm - hiệu chỉnh các thiết bị điện của đường dây, trạm biến áp, các nhà máy thủy điện, thông tin viễn thông và các dây chuyền công nghệ.

4.2. Chi nhánh Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà tại Đà Nẵng.

- Trụ sở: Lũy 6+7 B1.3 khu tái định cư Hoà Minh I, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Tel: 0511.6272869 Fax: 0511.3768.926
- Ngành nghề kinh doanh: Đại diện cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh tại miền Trung.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị mạnh, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Tăng cường đoàn kết, tích cực đổi mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm. Đẩy nhanh tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, lấy sản xuất lắp đặt thiết bị điện, thí nghiệm hiệu chỉnh nhà máy điện, chế tạo sản xuất vật tư thiết bị điện làm sản phẩm chính để đầu tư phát triển. Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao. Phấn đấu vì sự phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện và Tổng Công ty Sông Đà, không ngừng nâng cao thu nhập trên mỗi cổ phần và đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.

6. *Các rủi ro:* Rủi ro về kinh tế, rủi ro về lãi suất, rủi ro về lạm phát, vận hành, đặc thù ngành, cạnh tranh, biến động giá cổ phiếu niêm yết và một số rủi ro khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2016 vẫn là năm chịu ảnh hưởng của nền kinh tế suy thoái, mặt khác một số công trình Quyết toán như Thủy điện Hương Điền quyết toán, vv... bị xuất toán quá lớn có công trình xuất hóa đơn âm đến hơn 3,5 tỷ đồng, bởi vậy mà Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 không đạt lỗ - **4.245.145.095 VND.**

Tổ chức và Nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

Tổng giám đốc: Lê Văn Thụ.

Phó tổng giám đốc: Lê Vĩnh Khang.

Kế toán trưởng: Phan Huy Quang.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	54.200.718.750	51.404.098.022	
Doanh thu thuần	16.356.515.151	8.917.965.075	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.859.761.035)	(3.883.529.255)	

Lợi nhuận khác	(917.111.918)	(309.848.938)	
Lợi nhuận trước thuế	(9.776.872.935)	(4.193.378.193)	
Lợi nhuận sau thuế	(9.776.872.935)	(4.193.378.193)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Dự kiến)			

– Các chỉ tiêu khác:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,18		
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,15		
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,84		
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,00		
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,47		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,24		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,67		
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,47		

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 1.751.092

b) Cơ cấu cổ đông: Bao gồm cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân.

Báo cáo và đánh giá của Ban tổng giám đốc.

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

– Năm 2016 Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà chưa hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD đề ra đặc biệt là chỉ tiêu về doanh thu và thu các khoản tiền về Công ty. Bên cạnh đó, khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm cũng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD của Công ty.

– Trong năm 2016 Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà đã cố gắng trong việc đấu thầu mở rộng phạm vi công việc và tìm được nhiều đối tác mới, đảm bảo khối lượng công việc nhằm đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

2. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản

Giá trị tài sản của Công ty không có sự biến động. Các tài sản vẫn còn nguyên giá trị và vẫn phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

– Các khoản nợ phải trả hiện nay của Công ty là không lớn so với các chỉ tiêu mà Công ty đạt được đặc biệt là các khoản phải thu. Hiện nay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà vẫn có khả năng thanh toán nợ ổn định từ đó chưa có khoản nợ xấu nào được tính đến.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Công ty đã tiến hành tập trung chuyên môn hóa sản xuất hơn bằng việc thành lập ra các tổ đội chuyên môn thực hiện tại các Công trình.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Phát triển ổn định, bền vững, cân bằng các ngành nghề trong hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là ngành Xây lắp điện và Thí nghiệm hiệu chỉnh điện. Đồng thời mở rộng hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp các đường dây và trạm biến áp Đảm bảo duy trì và tăng trưởng lợi nhuận trong lâu dài.

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* Nhìn chung trong năm 2016, dưới những ảnh hưởng và thách thức của nền kinh tế, Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà tuy đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn không hoàn thành được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:* Trong năm 2014, do sự khó khăn của nền kinh tế, khó khăn trong công tác tìm kiếm việc làm, huy động nguồn vốn phục vụ thi công nên đã không hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty đã có những cố gắng để duy trì hoạt động SXKD, cắt giảm chi phí, tích cực trong công tác đấu thầu tìm kiếm công việc, và duy trì được lợi nhuận có lãi cho công ty, tạo điều kiện để thực hiện kế hoạch năm 2017.

Quản trị công ty.

1. *Hội đồng quản trị*

Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Văn Thu	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 04/04/16
2	Lê Vĩnh Khang	Thành viên - Phó TGĐ	Bổ nhiệm ngày 29/05/2015
3	Đông Đăng Khôi	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/05/2015
4	Võ Khánh	TV HĐQT	
5	Hồ Hoàng Tiến	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/06/16

a) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã hoạt động tốt và đề ra các chính sách phù hợp cho Công ty. Trong năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp với số lượng 5 lần

với các nội dung về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đề ra các giải pháp nhằm phát triển Công ty.

2. *Ban Kiểm soát*

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	
2	Trần Văn Hiệp	Thành viên	
3	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	

Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán:*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà, được lập ngày 24/3/2016, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến

về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/10/2011 với mã số doanh nghiệp là 0102174012.

Trụ sở chính của Công ty tại Nhà lô 141, khu giãn dân Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;

- Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành; thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ; duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 3000 MW;

- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán, hệ thống SCADA và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500 KV, công suất 3000 MW (không bao gồm dịch vụ thiết kế và giám sát công trình);

- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây lắp các công trình điện, kinh doanh điện thương phẩm theo Luật điện lực;

- Đào tạo chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, tin học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và kỹ thuật dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, các công trình đường thủy, bến cảng, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; các công trình thể thao ngoài trời;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Vận tải hàng hóa đường sắt;

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; cho thuê xe có người lái; hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch; hoạt động của cáp treo, đường sắt, leo núi;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Dịch vụ quản lý bất động sản;

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy chữa cháy;

- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực: lắp thiết bị công trình, xây dựng -hoàn thiện); Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện (lĩnh vực: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (các mặt hàng được Nhà nước cho phép).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện

được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm giữa niên độ và cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác, mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất

mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua

người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả,

theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời

điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn

hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc

này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra

theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài

sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá đã được chuyển nhượng giao cho người m;
- Công ty không còn nắm quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được và sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền lãi, tiền bán cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận thì thoả mãn đồng thời hai(2) điều kiện sau

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp giá vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
1. Tiền		31/12/2016	01/01/2016
- Tiền mặt		931.512.291	2.546.757.160
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		516.559.963	537.893.574
Cộng		1.448.072.254	3.084.650.734
2. Phải thu khách hàng		31/12/2016	01/01/2016
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn			
- Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long		1.980.344.367	1.980.344.367
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Tây Bắc		1.068.989.320	1.068.989.320
- Công ty cổ phần thủy điện Bitexco - Tà Trách		-	1.259.859.331
- Công ty cổ phần Phát triển KT Công nghệ EDH		1.795.625.363	1.795.625.363
- Công ty cổ phần xây lắp Newtech Vĩnh Hà		1.684.125.910	1.684.125.910
- Công ty cổ phần và phát triển du lịch Vinaconex		3.971.791.144	3.971.791.144
- Ban điều hành dự án NMTĐ Sê san 3		2.819.815.869	2.819.815.869
- Các khách hàng khác		8.956.062.516	12.632.269.203
Cộng		22.276.754.489	27.212.820.507
3. Trả trước cho người bán		31/12/2016	01/01/2016
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn			
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật công nghệ SOMECO		240.000.000	240.000.000
- Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị công nghiệp		462.216.000	462.216.000
- Công ty TNHH DDT XD&TM Ngãi Cầu		830.585.354	830.585.354
- Công ty cổ phần ĐTXD Incons		1.543.073.755	833.073.755
- Các khách hàng khác		923.631.340	762.989.960
Cộng		3.999.506.449	3.128.865.069
4. Phải thu ngắn hạn khác		31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
			Dự phòng
a) Ngắn hạn	22.809.465.003	870.346.210	18.949.791.451
- Phải thu khác	2.151.822.521	-	1.725.718.800
- Tạm ứng	20.657.642.482	870.346.210	17.224.072.651
b) Dài hạn	6.000.000	-	6.000.000
- Ký quỹ, ký cược	6.000.000	-	6.000.000
Cộng	22.815.465.003	870.346.210	18.955.791.451
5. Nợ xấu		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc
		thể thu hồi	Giá trị có
			thể thu hồi
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán			
- Phải thu khách hàng	271.712.068	-	-
- Tạm ứng	1.020.652.959	150.306.749	1.020.652.959
Cộng	1.292.365.027	150.306.749	1.020.652.959
6. Hàng tồn kho		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
			Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.649.937.587	-	2.362.516.681
- Hàng hóa	332.420.518	-	332.420.518
Cộng	1.982.358.105	-	2.694.937.199

7. **Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	1.727.414.643	9.594.823.657	5.214.223.975	16.536.462.275
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	1.727.414.643	-	-	1.727.414.643
- Thanh lý, nhượng bán	1.727.414.643	-	-	1.727.414.643
Số dư cuối kỳ	-	9.594.823.657	5.214.223.975	14.809.047.632
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	777.336.588	9.494.891.461	5.110.749.542	15.382.977.591
Số tăng trong kỳ	86.370.732	97.121.782	48.078.481	231.570.995
- Khấu hao trong kỳ	86.370.732	97.121.782	48.078.481	231.570.995
Số giảm trong kỳ	863.707.320	-	-	863.707.320
- Thanh lý, nhượng bán	863.707.320	-	-	863.707.320
- Phân loại lại	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	9.592.013.243	5.158.828.023	14.750.841.266
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	950.078.055	99.932.196	103.474.433	1.153.484.684
Tại ngày cuối kỳ	-	2.810.414	55.395.952	58.206.366

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.329.992.632 đồng

8. **Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	892.840.000	892.840.000
Số giảm trong kỳ	892.840.000	892.840.000
- Thanh lý, nhượng bán	892.840.000	892.840.000
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	892.840.000	892.840.000
Tại ngày cuối kỳ	-	-

9. **Tài sản dở dang dài hạn**

Khoản mục	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn	10.957.331.921	10.957.331.921	9.980.049.870	9.980.049.870
- CT Thủy điện Hương Điền	945.732.136	945.732.136	945.732.136	945.732.136
- CT KĐT du lịch Cái Giá - Cát Bè	3.333.125.243	3.333.125.243	3.333.125.243	3.333.125.243
- Thí nghiệm hiệu chỉnh nhà máy	780.459.050	780.459.050	780.459.050	780.459.050
- Trạm nghiên Hiệp Phước	1.404.242.271	1.404.242.271	1.404.242.271	1.404.242.271
- Các công trình khác	4.493.773.221	4.493.773.221	3.516.491.170	3.516.491.170
b) Xây dựng cơ bản	117.154.000	117.154.000	117.154.000	117.154.000
- Mua sắm tài sản cố định	117.154.000	117.154.000	117.154.000	117.154.000
Cộng	11.074.485.921	11.074.485.921	10.097.203.870	10.097.203.870

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

10.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	7.500.000.000	6.049.416.155	1.450.583.845
Cty CP ĐT và PT điện Tây Bắc	-	-	-	7.500.000.000	6.049.416.155	1.450.583.845

Theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán Số 3904, ngày 25 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà và bên nhận chuyển nhượng là Bà Phạm Thị Bạch Hà, số lượng chuyển nhượng 750.000 CP, giá chuyển nhượng 3.000 đồng/CP, giá trị chuyển nhượng 2.250.000.000 VNĐ.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	30.000.000	-
- Chi phí khác chờ phân bổ	30.000.000	-
b) Dài hạn	-	16.498.482
- Công cụ, dụng cụ	-	16.498.482
Cộng	30.000.000	16.498.482

12. Phải trả người bán

	Giá trị	31/12/2016		01/01/2016	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Phải trả người bán ngắn hạn	14.602.937.565	14.602.937.565	13.560.624.578	13.560.624.578	
- Cty CP XD và xây lắp điện nước	1.627.243.450	1.627.243.450	1.627.243.450	1.627.243.450	
- Cty CP ĐT XD và TM Bình Minh	1.276.901.379	1.276.901.379	1.276.901.379	1.276.901.379	
- Cty TNHH Kiên Cường-Trường Lâm	1.033.742.475	1.033.742.475	1.193.742.475	1.193.742.475	
- XN cơ khí 59-CN Cty TNHH MTV	2.372.704.191	2.372.704.191	2.372.704.191	2.372.704.191	
- Cty TNHH MTV KTCN SOMECO	1.332.325.516	1.332.325.516	1.332.325.516	1.332.325.516	
- Công ty CP DDTXD & PT GD Hòa Bình	1.995.321.970	1.995.321.970	-	-	
- Các đối tượng khác	4.964.698.584	4.964.698.584	5.757.707.567	5.757.707.567	
Cộng	14.602.937.565	14.602.937.565	13.560.624.578	13.560.624.578	

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.725.155.381	2.202.135.309
- Nhà máy thủy điện Trung Thu	243.569.000	-
- Công ty CP thủy điện Sê san 4A	405.832.451	405.832.451
- Công ty CP Sông Đà 12	514.427.902	114.427.902
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Quốc Tế	228.030.000	228.030.000
- Các đối tượng khác	333.296.028	1.453.844.956
Cộng	1.725.155.381	2.202.135.309

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.694.522.963	441.254.369	1.045.000.000	6.090.777.332
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.790.351.603	51.766.902	-	2.842.118.505
- Thuế thu nhập cá nhân	687.188.262	4.295.317	89.131.699	602.351.880
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại	950.939.629	-	-	950.939.629
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	34.111.124	3.000.000	3.000.000	34.111.124
Cộng	11.157.113.581	500.316.588	1.137.131.699	10.520.298.470

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay phải trả	1.460.907.682	1.229.007.582
- Chi phí trích trước các công trình	3.595.265.114	4.562.435.449
- Các khoản chi phí khác	725.273.538	521.273.538
Cộng	5.781.446.334	6.312.716.569

16. Phải trả khác	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	704.277.384	659.125.288
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	8.354.335.798	6.854.910.373
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.665.141.087	5.005.751.437
+ Cổ tức	3.026.042.860	3.026.042.860
+ Phải trả khác	2.639.098.227	1.979.708.577
Cộng	14.723.754.269	12.519.787.098

17. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2016		Tăng	Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	2.139.565.188	2.139.565.188	120.000.000	1.671.257.812	3.690.823.000	3.690.823.000	
+ Vay ngắn hạn							
- NH NN & PTNT - CN Đà Nẵng	328.142.188	328.142.188	-	271.857.812	600.000.000	600.000.000	
- Vay cá nhân	1.811.423.000	1.811.423.000	120.000.000	1.399.400.000	3.090.823.000	3.090.823.000	

- Vay Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 2000LDS201100035 ngày 11/01/2011. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản của cá nhân và có tổng hạn mức tín dụng là 600.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất vay được xác định tại từng lần giải ngân cụ thể nhưng không quá 12 tháng. Hiện tại khoản vay này đã quá hạn thanh toán do Công ty chưa thu xếp được nguồn trả nợ.

- Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn vay dưới 12 tháng và lãi suất vay theo mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

18. Dự phòng phải trả	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.211.552.675	2.499.897.911
+ Công trình Thủy điện Hương Điền	228.154.400	516.499.636
+ Công trình Cát Bà	523.237.353	523.237.353
+ Công trình Thủy điện Nậm Chiến	1.460.160.922	1.460.160.922
Cộng	2.211.552.675	2.499.897.911

19. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	17.510.920.000	460.450.000	508.554.001	5.461.616.320	23.941.540.321
Tăng vốn năm trước	-	-	-	82.429.699	82.429.699
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	82.429.699	82.429.699
Giảm vốn năm trước	-	-	-	9.922.662.652	9.922.662.652
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	145.789.699	145.789.699
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	9.776.872.953	9.776.872.953
Số dư cuối năm trước	17.510.920.000	460.450.000	508.554.001	(4.378.616.633)	14.101.307.368
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	4.245.145.095	4.245.145.095
- Lỗi trong kỳ này	-	-	-	4.245.145.095	4.245.145.095
Số dư cuối kỳ	17.510.920.000	460.450.000	508.554.001	(8.623.761.728)	9.856.162.273

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà	290.000.000	290.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	17.220.920.000	17.220.920.000
Cộng	17.510.920.000	17.510.920.000

c) **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Kỳ nay	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	17.510.920.000	17.510.920.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	17.510.920.000	17.510.920.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.751.092	1.751.092
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.751.092	1.751.092
- Cổ phiếu phổ thông	1.751.092	1.751.092
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.751.092	1.751.092
- Cổ phiếu phổ thông	1.751.092	1.751.092
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2016	Năm 2015
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Doanh thu hợp đồng xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện	11.967.024.434	17.662.283.616
Cộng	<u>11.967.024.434</u>	<u>17.662.283.616</u>
2. Các khoản giảm trừ	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Hàng bán bị trả lại	-	1.305.768.465
- Giảm giá hàng bán	3.049.059.359	
Cộng	<u>3.049.059.359</u>	<u>1.305.768.465</u>
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị đ	8.917.965.075	16.356.515.151
Cộng	<u>8.917.965.075</u>	<u>16.356.515.151</u>
4. Giá vốn hàng bán	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Giá vốn hợp đồng xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện	9.969.063.363	15.781.362.988
Cộng	<u>9.969.063.363</u>	<u>15.781.362.988</u>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.294.464	5.877.192
- Lãi bán các khoản đầu tư	799.416.155	-
Cộng	<u>803.710.619</u>	<u>5.877.192</u>
6. Chi phí tài chính	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lãi tiền vay	231.900.100	253.827.148
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	6.049.416.155
Cộng	<u>231.900.100</u>	<u>6.303.243.303</u>
7. Thu nhập khác	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Thu nhập khác	2.303.727.069	78.497.013
Cộng	<u>2.303.727.069</u>	<u>78.497.013</u>
8. Chi phí khác	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	814.380.625	379.988.365
- Phạt chậm nộp thuế	7.825.666	429.666.705
- Chi phí khác	1.791.369.716	185.953.861
Cộng	<u>2.613.576.007</u>	<u>995.608.931</u>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
a) Thu nhập tính thuế từ thanh lý tài sản là BĐS	258.834.510	-
b) Thuế suất	20%	-
e. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>51.766.902</u>	<u>-</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.245.145.095)	(9.776.872.953)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.245.145.095)	(9.776.872.953)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.751.092	1.751.092
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.424)	(5.583)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.424)	(5.583)

Đại diện doanh nghiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Thọ